

Số: /BC-SNNMT

Đồng Nai, ngày tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách quy định mức hỗ trợ dự án và định mức hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo đánh giá tác động của chính sách quy định mức hỗ trợ dự án và định mức hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai, cụ thể như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Trong đó: giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể đối với các dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể:

- *Tại điểm b khoản 3 Điều 26 quy định: “Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh”;*

- *Tại điểm b khoản 3 Điều 30 quy định: “Mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án phát triển sản xuất của cộng đồng, định mức hỗ trợ cho từng đối tượng tham gia thực hiện dự án theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh”;*

- *Tại điểm a khoản 2 Điều 35 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định định mức hỗ trợ cho 01 đối tượng người dân, hộ gia đình tham gia dự án hoặc tăng quy mô hỗ trợ vốn thực hiện 01 dự án trên 03 tỷ đồng/01 dự án phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của địa phương”.*

Giai đoạn 2021-2025, cơ quan chủ quản (Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) đã trình UBND tỉnh tham mưu HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 quy định nội dung, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 – 2025; Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 – 2025; Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng

12 năm 2022 ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh bình phước ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 31/10/2024 quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và phát triển sản xuất cộng đồng; tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Qua tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện cho thấy, các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất trong thời gian qua đã phát huy hiệu quả tích cực, góp phần quan trọng trong công tác giảm nghèo bền vững, cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân. Toàn thành phố đã hỗ trợ thực hiện **135** mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (trong đó có **124** dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và **11** dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ) với **2.806** hộ tham gia với tổng mức kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trên **115,8** tỷ đồng. Các chính sách nhận được sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực của người dân và chính quyền địa phương; tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm còn 0,24%, đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra.

Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai thực hiện vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như: mức hỗ trợ giữa các địa phương chưa đồng bộ; một số nội dung hỗ trợ chưa thực sự phù hợp với điều kiện sản xuất, đặc thù của từng vùng; tiến độ giải ngân một số dự án còn chậm; khả năng đối ứng của người dân còn hạn chế; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giữa người dân với doanh nghiệp, hợp tác xã chưa bền vững; chưa có cơ chế hỗ trợ đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

Các Nghị quyết nêu trên được ban hành trên cơ sở quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Tuy nhiên, ngày 31 tháng 12 năm 2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026–2030, đồng thời bãi bỏ toàn bộ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

Như vậy, các căn cứ pháp lý trực tiếp làm cơ sở ban hành Nghị quyết nêu trên đã hết hiệu lực thi hành. Đồng thời, các Nghị quyết này chỉ quy định áp dụng trong

giai đoạn 2021–2025 nên không còn phù hợp để tiếp tục triển khai trong giai đoạn 2026–2030 theo quy định hiện hành.

Do đó, việc xây dựng Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ dự án và định mức hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ với quy định của Trung ương; bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; nâng cao hiệu quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong giai đoạn mới; đồng thời tạo điều kiện thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân và thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn thành phố.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh xây dựng, trình HĐND cấp tỉnh quyết định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 26, Điều 30 và Điều 35 nhằm thống nhất mức hỗ trợ các dự án trên địa bàn tỉnh.

a) Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai nhằm hỗ trợ người dân phát triển sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể

- Quy định mức hỗ trợ cụ thể, thống nhất, phù hợp điều kiện thực tế của thành phố Đồng Nai. Tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân vùng khó khăn tiếp cận nguồn lực hỗ trợ phát triển sản xuất;

- Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, nâng cao thu nhập và đảm bảo an sinh xã hội.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1.1. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn các xã, phường.

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nhóm hộ gia đình, cộng đồng dân cư,

người dân và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn thành phố.

b) Tác động của giải pháp

- *Về hệ thống pháp luật*: Việc ban hành chính sách sẽ tạo cơ sở pháp lý thống nhất trong tổ chức thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn thành phố; bảo đảm phù hợp với các quy định của Trung ương và thực tiễn địa phương.

- *Về kinh tế*

+ Tác động tích cực: Hỗ trợ người dân tiếp cận nguồn vốn, giống, vật tư, máy móc phục vụ sản xuất; tăng cường liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân; tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã mở rộng quy mô liên kết sản xuất; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

+ Tác động tiêu cực: Nhu cầu kinh phí thực hiện lớn, tạo áp lực cân đối ngân sách; một số địa phương có thể gặp khó khăn trong công tác quản lý, giám sát dự án; nếu lựa chọn mô hình sản xuất không phù hợp có thể ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư.

- *Về xã hội*

+ Tác động tích cực: Tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân; giảm nguy cơ tái nghèo; góp phần ổn định an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới; nâng cao năng lực sản xuất, thay đổi nhận thức của người dân trong phát triển kinh tế.

+ Tác động tiêu cực: Một số hộ dân còn tâm lý trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ; trình độ quản lý, kỹ thuật sản xuất của một bộ phận người dân còn hạn chế.

- *Tác động về giới*

Chính sách tạo điều kiện để phụ nữ, lao động nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được tham gia các mô hình sản xuất, nâng cao thu nhập và tăng khả năng tiếp cận việc làm.

- *Tác động của thủ tục hành chính*: Không

1.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

a) Giải pháp tối ưu được lựa chọn

Quy định mức hỗ trợ cụ thể đối với các dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hợp tác xã và doanh nghiệp tham gia liên kết sản xuất.

b) Lý do lựa chọn giải pháp

Phù hợp với định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp của thành phố; tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực nhà nước; gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; tạo tính bền vững trong hỗ trợ giảm nghèo.

2. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

2.1. Đánh giá tác động của chính sách

a) Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn các xã, phường của thành phố Đồng Nai.

b) Tác động của giải pháp

- Tác động về hệ thống pháp luật

Tạo hành lang pháp lý để địa phương triển khai thống nhất các mô hình hỗ trợ sinh kế, giảm nghèo phù hợp với điều kiện thực tế.

- Tác động về kinh tế

+ Tác động tích cực: Tăng cơ hội tiếp cận sinh kế cho người dân; hỗ trợ phát triển các mô hình chăn nuôi, trồng trọt, dịch vụ phù hợp; tăng thu nhập, giảm chi phí sản xuất; nâng cao hiệu quả sử dụng lao động nông thôn.

+ Tác động tiêu cực: Một số mô hình có thể chưa phát huy hiệu quả nếu thiếu hướng dẫn kỹ thuật; nguy cơ rủi ro thị trường, dịch bệnh, thiên tai ảnh hưởng đến sản xuất.

- Tác động về xã hội

+ Tác động tích cực: Góp phần giảm nghèo bền vững; hạn chế tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm; nâng cao chất lượng cuộc sống người dân; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong công tác giảm nghèo.

+ Tác động tiêu cực: Một số địa phương còn hạn chế về nguồn nhân lực triển khai chương trình.

- Tác động về giới

Tạo điều kiện để phụ nữ tham gia các mô hình sinh kế phù hợp, nâng cao vị thế kinh tế của phụ nữ trong gia đình và xã hội.

- Tác động của thủ tục hành chính: Không

2.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

a) Giải pháp tối ưu được lựa chọn

Tiếp tục triển khai các mô hình đa dạng hóa sinh kế gắn với nhu cầu thực tế của người dân; hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và vùng khó khăn.

b) Lý do lựa chọn giải pháp: Phù hợp nhu cầu thực tế của người dân; dễ triển khai tại cơ sở; tạo sinh kế trực tiếp và hiệu quả nhanh; góp phần giảm nghèo bền vững.

3. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

3.1. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động

trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số trên địa bàn các xã, phường của thành phố Đồng Nai.

b) Tác động của giải pháp

- *Tác động về hệ thống pháp luật*

Việc ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý để triển khai đồng bộ các nội dung hỗ trợ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030; tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương chủ động tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế.

Đồng thời, chính sách bảo đảm tính thống nhất với các quy định của Trung ương về quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất.

- *Tác động về kinh tế*

+ Tác động tích cực: Hỗ trợ người dân tiếp cận nguồn lực phục vụ sản xuất như giống, vật tư, máy móc, thiết bị và kỹ thuật sản xuất; tăng hiệu quả sản xuất, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và người dân vùng khó khăn; khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất phù hợp điều kiện địa phương; tạo điều kiện thúc đẩy liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và phát triển kinh tế nông thôn.

+ Tác động tiêu cực: Nhu cầu vốn thực hiện lớn, tạo áp lực đối với cân đối ngân sách địa phương; Một số mô hình sản xuất có thể gặp rủi ro do biến động thị trường, giá cả, thiên tai hoặc dịch bệnh; Khả năng quản lý, tổ chức sản xuất của một số hộ dân còn hạn chế nên hiệu quả thực hiện chưa đồng đều.

- *Tác động về xã hội*

+ Tác động tích cực: Góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững; cải thiện điều kiện sống, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; hạn chế tình trạng thiếu việc làm tại khu vực nông thôn; tăng cường sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức trong công tác giảm nghèo; góp phần ổn định an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới.

+ Tác động tiêu cực: Một bộ phận người dân còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước; một số địa phương còn khó khăn về nhân lực và năng lực tổ chức triển khai thực hiện dự án.

- *Tác động về giới*

Chính sách tạo điều kiện cho phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia các mô hình sản xuất, phát triển sinh kế, tăng thu nhập và nâng cao vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế hộ gia đình.

- *Tác động của thủ tục hành chính:* Không

3.2. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn giải pháp

a) Giải pháp tối ưu được lựa chọn

Thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ gắn với nhu cầu thực tế của người dân và định hướng phát triển kinh tế của địa phương; ưu tiên hỗ trợ các mô hình có khả năng nhân rộng, tạo sinh kế bền vững và nâng cao thu nhập cho người dân.

b) Lý do lựa chọn giải pháp: Phù hợp điều kiện thực tế và nhu cầu của đối tượng thụ hưởng; phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn hỗ trợ; tạo việc làm và tăng thu nhập bền vững; góp phần thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030.

III. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Nghị quyết quy định mức hỗ trợ dự án và định mức hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

- Hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện;

- Theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện chính sách;

- Phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan kiểm tra tình hình thực hiện chính sách ở các địa phương, định kỳ tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ cho Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Tư pháp

Phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; hướng dẫn công tác xây dựng, ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ. Hàng năm, căn cứ vào tình hình ngân sách địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ kinh phí để thực hiện các chính sách hỗ trợ. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kinh phí hỗ trợ định kỳ hàng năm và cuối giai đoạn.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp triển khai các nội dung đào tạo nghề, nâng cao nhận thức, hỗ trợ giáo dục cho đối tượng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội

Giám sát việc triển khai, thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo; tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện hiệu quả các chính sách giảm nghèo.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Tổ chức triển khai thực hiện chính sách tại địa phương; lựa chọn đối tượng, mô hình phù hợp; theo dõi, kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của chính sách quy định mức hỗ trợ dự án và định mức hỗ trợ cho đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (b/c);
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc;
- Chi cục PTNT;
- Lưu: VT. CCPTNT.

\

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thị Ánh Tuyết